

**QUYẾT ĐỊNH**

**Công nhận xã, thị trấn đạt chuẩn tiếp cận pháp luật năm 2024**

**CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Quyết định số 25/2021/QĐ-TTg ngày 22 tháng 7 năm 2021 của Thủ tướng Chính phủ quy định về xã, phường, thị trấn đạt chuẩn tiếp cận pháp luật;

Căn cứ Thông tư số 09/2021/TT-BTP ngày 15 tháng 11 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp Hướng dẫn thi hành Quyết định số 25/2021/QĐ-TTg ngày 22 tháng 7 năm 2021 của Thủ tướng Chính phủ quy định về xã, phường, thị trấn đạt chuẩn tiếp cận pháp luật;

Căn cứ hồ sơ đề nghị công nhận xã, thị trấn đạt chuẩn tiếp cận pháp luật; kết quả thẩm định của Hội đồng đánh giá chuẩn tiếp cận pháp luật ngày 05 tháng 02 năm 2025;

Theo đề nghị của Trưởng phòng Tư pháp tại Tờ trình số 08/TTr-PTP ngày 05 tháng 02 năm 2025,

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Công nhận 15 xã, thị trấn trên địa bàn huyện Lộc Ninh, tỉnh Bình Phước đạt chuẩn tiếp cận pháp luật năm 2024 (có Danh sách kèm theo).

**Điều 2.** Đề nghị Chủ tịch Ủy ban nhân dân các xã, thị trấn tổ chức công bố và chỉ đạo niêm yết công khai Quyết định này tại trụ sở làm việc và tại các khu dân cư trên địa bàn quản lý.

**Điều 3.** Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

**Điều 4.** Chánh Văn phòng HĐND và UBND huyện, Trưởng phòng Tư pháp, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các xã, thị trấn và các cơ quan, đơn vị, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành quyết định này./.

**Nơi nhận:**

- UBND tỉnh Bình Phước;
- Sở Tư pháp tỉnh Bình Phước;
- TT. Huyện ủy; TT. HĐND huyện;
- Ủy ban MTTQ Việt Nam huyện;
- Chủ tịch; các Phó Chủ tịch UBND huyện;
- Hội đồng đánh giá chuẩn tiếp cận pháp luật huyện;
- Phòng Tư pháp;
- Các cơ quan, đơn vị có liên quan;
- TT. Đảng ủy, TT. HĐND, BTT. Ủy ban MTTQ Việt Nam, UBND và Công an các xã, thị trấn;
- Như Điều 4;
- Lưu: VT, PTP.

**CHỦ TỊCH**

**Nguyễn Gia Hòa**

**DANH SÁCH**  
**XÃ, THỊ TRẤN ĐẠT CHUẨN TIẾP CẬN PHÁP LUẬT NĂM 2024**

(Kèm theo Quyết định số ...../QĐ-UBND ngày...../02/2025  
của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện Lộc Ninh)

| Số TT     | Tên xã, thị trấn <sup>(1)</sup>              | Tổng điểm <sup>(2)</sup> | Điểm của từng tiêu chí |            |            |            |            | Ghi chú (Số điểm chưa làm tròn) |
|-----------|--|--------------------------|------------------------|------------|------------|------------|------------|---------------------------------|
|           |  |                          | Tiêu chí 1             | Tiêu chí 2 | Tiêu chí 3 | Tiêu chí 4 | Tiêu chí 5 |                                 |
| <b>I</b>  | <b>Các xã đạt chuẩn tiếp cận pháp luật</b>   |                          |                        |            |            |            |            |                                 |
| 1         | Xã Lộc Thuận                                 | <b>97</b>                | 10                     | 30         | 13         | 20         | 24         | 97                              |
| 2         | Xã Lộc Hưng                                  | <b>97</b>                | 10                     | 29         | 14         | 20         | 24         | 97                              |
| 3         | Xã Lộc Thiện                                 | <b>95</b>                | 10                     | 27         | 13.5       | 20         | 24.5       | 95                              |
| 4         | Xã Lộc Quang                                 | <b>97</b>                | 10                     | 30         | 11.5       | 20         | 25         | 96.5                            |
| 5         | Xã Lộc Phú                                   | <b>95</b>                | 10                     | 27.5       | 13         | 20         | 24         | 94.5                            |
| 6         | Xã Lộc Thái                                  | <b>89</b>                | 10                     | 23         | 11         | 20         | 25         | 89                              |
| 7         | Xã Lộc Điền                                  | <b>87</b>                | 10                     | 29.5       | 8.75       | 17         | 22         | 87.25                           |
| 8         | Xã Lộc Hiệp                                  | <b>87</b>                | 6                      | 29         | 12         | 16         | 24         | 87                              |
| 9         | Xã Lộc Hòa                                   | <b>86</b>                | 10                     | 25.5       | 8.5        | 18         | 24         | 86                              |
| 10        | Xã Lộc An                                    | <b>86</b>                | 10                     | 22.5       | 12         | 17         | 24         | 85.5                            |
| 11        | Xã Lộc Khánh                                 | <b>85</b>                | 10                     | 30         | 11.5       | 13         | 20.5       | 85                              |
| 12        | Xã Lộc Thịnh                                 | <b>84</b>                | 10                     | 26         | 7.5        | 20         | 20         | 83.5                            |
| 13        | Xã Lộc Tấn                                   | <b>82</b>                | 10                     | 26         | 8.75       | 14         | 23         | 81.75                           |
| 14        | Xã Lộc Thành                                 | <b>81</b>                | 10                     | 27         | 8          | 12         | 24         | 81                              |
| <b>II</b> | <b>Thị trấn đạt chuẩn tiếp cận pháp luật</b> |                          |                        |            |            |            |            |                                 |
| 1         | Thị trấn Lộc Ninh                            | <b>96</b>                | 10                     | 30         | 11.5       | 20         | 24         | 95.5                            |

**Ghi chú:**

(1) Xếp điểm theo thứ tự từ cao xuống thấp đối với xã, thị trấn đạt chuẩn tiếp cận pháp luật.

(2) Tổng điểm của các tiêu chí sau khi đã làm tròn.